TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26-01-2018
"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Vân Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Trọng Nhân

Bà Trần Ánh Nhạn

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lưu Thị Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Ngày 26 tháng 01 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 767/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2017 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lâm Thị Bích Đ, sinh năm: 1986 "Vắng mặt".

- *Bị đơn*: Anh Mai Tiến L, sinh năm: 1990 "Vắng mặt".

Cùng địa chỉ: Tổ B, ấp B, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 12 năm 2017 và qua các lần làm việc, nguyên đơn chị Lâm Thị Bích Đ trình bày: Chị và anh Mai Tiến L chung sống với nhau vào năm 2011, trước đó có tìm hiểu, hôn nhân tự nguyện, không tổ chức cưới, chỉ làm lễ phạt; vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện G vào ngày 16-12-2011. Ngày phạt gia đình chồng có cho chị nữ trang là 01 đôi bông 01 chỉ vàng 24K, số nữ trang này hiện không còn chồng chị đã bán để chi tiêu trong gia đình.

Sau khi đến với nhau vợ chồng sống chung với gia đình chồng cho đến ngày ly thân.

Vợ chồng có 01 con chung tên Mai Chí T, sinh ngày 12-12-2011 hiện cháu đang sống với chị.

Vợ chồng chung sống không có tài sản chung cũng như không có nợ chung.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc sau khi kết hôn 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chồng chị không lo cho gia đình lại thường xuyên nhậu nhẹt, sau đó kiếm chuyện gây gỗ và đánh chị. Ngoài ra, chị và gia đình chồng cũng có nhiều mâu thuẫn. Khoảng tháng 8-2017, sau khi vợ chồng gây gỗ thì chồng và gia đình chồng đuổi chị nên chị bỏ đi nơi khác sống. Sau đó, vợ chồng có 01 lần đoàn tụ chung sống lại nhưng được hơn 10 ngày thì ly thân cho đến nay. Hiện tại mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Vì vậy, chị yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung, chị yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 04 tháng 01 năm 2018 bị đơn anh Mai Tiến L trình bày: Anh thống nhất với toàn bộ lời trình của chị Đ. Vợ chồng mâu thuẫn là do vợ anh sống không hòa hợp với cha mẹ anh, từ tháng 12-2017 vợ chồng mạnh ai nấy sống, không ai bàn bạc việc đoàn tụ gia đình. Nay chị Đ yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh đồng ý giao con cho chị Đ nuôi, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Đ và anh L chung sống với nhau từ năm 1998, trước đó có tìm hiểu, hôn nhân tự nguyện, không tổ chức lễ cưới. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện G vào ngày 16-12-2011 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay chị Đ có yêu cầu ly hôn Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung.

Xét mâu thuẫn giữa anh chị thì thấy: Cả hai đều trình bày vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do chị Đ sống không hòa hợp với gia đình anh L, các đương sự không giải quyết được mà để mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến việc vợ chồng ly thân. Ngoài ra, chị Đ còn cho rằng anh L không lo cho gia đình mà hay uống rượu rồi gây gỗ và kiếm chuyện đánh chị. Từ ngày anh chị ly thân không ai

có thiện chí hàn gắn gia đình. Khi chị Đ yêu cầu ly hôn anh L đồng ý. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần ghi nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh chị thống nhất: Giao chị Đ được tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cháu Mai Chí T, sinh ngày 12-12-2011. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con. Sự thỏa thuận của anh chị là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Ghi nhận chị Đ tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân, theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1/. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lâm Thị Bích Đ và anh Mai Tiến L.

2/. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

- *Về con chung*: Giao chị Đ được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Mai Chí T, sinh ngày 12-12-2011. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Anh chị không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

3/. Về án phí: Chị Đ chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012896 ngày 15-12-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị Đ đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC THADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã Phước Trạch;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Thị Vân Quỳnh